TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - KHÁNH HOÀ** **TỈNH KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày: 24 - 9 - 2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - KHÁNH HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh An;

Ông Trần Ngọc Tuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 12/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Địa chỉ: Số A T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trình Kiên T1 - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh N1. Ông T1 ủy quyền lại cho ông Trần Đức T2 - Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh N1 và ông Trần Huy H - Chuyên viên phụ trách xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh N1 tham gia tố tụng (ông H có mặt).

Địa chỉ: Số A đường B tháng H, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Bà Thành Thị Xuân N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn A, xã X, tỉnh Khánh Hòa) (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt Ngân hàng B) là ông Trần Huy H trình bày:

Ngày 18/12/2017, bà Thành Thị Xuân N ký kết với Ngân hàng B hợp đồng tín dụng số A476/01/2017/HĐTD ngày 18/12/2017 để vay số tiền 160.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất vay ban đầu 10%/năm. Số tiền trả nợ theo tháng: 3.408.000đ/tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã trả được cho Ngân hàng B số tiền: 94.348.000đ (trong đó tiền gốc: 83.090.977đ, tiền lãi: 11.257.023đ). Sau đó bà N không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B theo như thỏa thuận. Do đó toàn bộ dư nợ vay của bà N đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tổng số tiền dư nợ của bà N theo hợp đồng tín dụng nói trên tính đến ngày 24/9/2025 là 151.045.465đ, trong đó, nợ gốc: 76.909.023đ, nợ lãi trong hạn; 63.179.433đ và lãi phạt (lãi chậm trả): 10.957.009đ.

Đối với hợp đồng tín dụng trên của bà Thành Thị Xuân N, Ngân hàng B có chính sách áp dụng lãi suất cho vay bằng 0 kể từ ngày 28/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay nên dư nợ hợp đồng tín dụng này của bà N không thay đổi so với thời điểm nộp đơn khởi kiện.

Do đó, Ngân hàng B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Thành Thị Xuân N trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 24/9/2025 là 151.045.465đ, trong đó, nợ gốc: 76.909.023đ, nợ lãi trong hạn; 63.179.433đ và lãi phạt (lãi chậm trả): 10.957.009đ.

Buộc bà Thành Thị Xuân N tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn bà Thành Thị Xuân N: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ về thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Thành Thị Xuân N phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng B số

tiền tính đến ngày 24/9/2025 là 151.045.465đ, trong đó, nợ gốc: 76.909.023đ, nợ lãi trong hạn; 63.179.433đ và lãi phạt (lãi chậm trả): 10.957.009đ và phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Căn cứ vào nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã X, tỉnh Khánh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hoà.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Ngày 18/12/2017, bà Thành Thị Xuân N ký kết với Ngân hàng B hợp đồng tín dụng số A476/01/2017/HĐTD để vay số tiền 160.000.000đ với thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất vay ban đầu: 10%/năm. Số tiền trả nợ theo tháng: 3.408.000đ/tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã trả được cho Ngân hàng B số tiền: 94.348.000đ (trong đó tiền gốc: 83.090.977đ, tiền lãi: 11.257.023đ). Sau đó, bà N không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B theo hợp đồng đã thoả thuận. Tổng dư nợ của bà N tính đến ngày 24/9/2025 là 151.045.465đ, trong đó, nợ gốc: 76.909.023đ, nợ lãi trong hạn; 63.179.433đ và lãi phạt (lãi chậm trả): 10.957.009đ.

Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng B và bà Thành Thị Xuân N nêu trên thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Thành Thị Xuân N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng B, vi phạm các nội dung đã ký kết trong

hợp đồng tín dụng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Buộc bà Thành Thị Xuân N phải thanh toán cho Ngân hàng B tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/9/2025 là 151.045.465đ. Trong đó, nợ gốc: 76.909.023đ, nợ lãi trong hạn; 63.179.433đ và lãi phạt (lãi chậm trả): 10.957.009đ.

Kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi trả hết nợ vay, bà N còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thành Thị Xuân N phải chịu 7.552.000đ (cách tính: 151.045.465đ x 5% (làm tròn số)).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hoà là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

- Buộc bà Thành Thị Xuân N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với tổng số tiền tính đến ngày 24/9/2025 là 151.045.465đ (một trăm năm mươi mốt triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó, nợ gốc: 76.909.023đ, nợ lãi trong hạn; 63.179.433đ và lãi phạt (lãi chậm trả): 10.957.009đ.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Thành Thị Xuân N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng A476/01/2017/HĐTD ngày 18/12/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và bà Thành Thị Xuân N cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí: Bà Thành Thị Xuân N phải chịu: 7.552.000đ (bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 3.776.000đ (ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004073 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Khánh Hoà).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Khánh Hoà;
- Phòng THADSKV 6 - Khánh Hoà;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đinh Thị Thành